

Bản án số: 2122/2019/DS-ST
Ngày: 20/11/2019
V/v: Tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Luy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1104/2019/TLST-DS, ngày 20 tháng 6 năm 2019 về việc “Tranh chấp nợ hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2019/QĐXXST-DS ngày 08/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **N N T L**, sinh năm 1974

Cư trú: 124/36F X, phường B, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **T T T**, sinh năm 1987

Địa chỉ: 29 N, phường B, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **T V D**, sinh năm 1968

Cư trú: 860/60X X, phường B, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2019, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, đại diện của nguyên đơn – bà T T T trình bày:

Năm 2017, bà **N N T L** và ông **T V D** có quen biết và cùng chơi hui chung. Sau một vài kỳ hui, ông **D** được hốt hui trong các đường dây hui này và có nghĩa vụ trả tiền cụ thể (khác nhau trong mỗi đường dây hui) theo mỗi kỳ chơi hui (mỗi tháng) cho những người cùng chơi chung. Tuy nhiên đến kỳ ông **D** không có tiền đóng hui lại cho bà **L** để thanh toán cho những người cùng chơi nên bà **L** đã lấy tiền của mình đóng hui dùm cho ông **D**. Nhiều dây hui tổng cộng là 1.330.000.000 đồng, ông **D** đã xác nhận và ghi giấy ghi nợ tiền hui vào ngày 09/8/2018 với nội dung hứa đến ngày 9/11/2018 sẽ trả số tiền nợ hui là 1.330.000.000 đồng. Tuy nhiên đến nay bà **L** đã nhiều lần liên hệ nhưng ông **D** cố tình tránh né không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay bà N N T L yêu cầu ông T V D phải trả số tiền nợ hui tổng cộng là 1.330.000.000 đồng và số tiền lãi chậm trả theo lãi suất theo quy định của pháp luật tạm tính từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/9/2019 là 110.390.000 đồng.

Bị đơn ông T V D: Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành triệu tập hợp lệ đến Tòa để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng.

*** Tại phiên toà:**

- **Nguyên đơn:** Ngày 19/11/2019 nộp đơn xin xét xử vắng mặt và kèm theo yêu cầu: Ông T V D phải trả cho bà N N T L số tiền nợ hui tổng cộng là 1.451.429.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 1.330.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng), tính từ ngày 10/11/2018 đến ngày 20/11/2019 là 12 tháng 10 ngày, nhưng bà L tự nguyện làm tròn là 11 tháng (1.330.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng = 121.429.000 đồng). Tổng số tiền bà L yêu cầu ông D phải trả là 1.451.429.000 đồng trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- **Bị đơn:** Mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập để tham gia giải quyết vụ án nhưng phía bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc xác minh, thu thập chứng cứ của Thẩm phán thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 22 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà N N T L và ông T V D là quan hệ pháp luật về tranh chấp nợ hui được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn cư trú tại quận Bình Thạnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

2. Về thủ tục tố tụng:

Toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý, tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến Toà để làm bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử vụ án. Phiên tòa được mở lần thứ 02 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Việc bị đơn vắng mặt không làm ảnh hưởng đến nội dung tranh chấp nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Đối với ông P D H và ông N V N A là những người làm chứng trong “Giấy nợ tiền hui” đều có lời trình bày như sau: Tôi và ông T V D có quen biết hàng xóm uống cà phê. Vào ngày 09/8/2018 ông T V D có nhờ tôi ký vào giấy nợ tiền hui, do ông D viết xác nhận ông D nợ bà N N T L số tiền là 1.330.000.000 đồng, hoàn trả cho bà L vào ngày 09/11/2018. Tôi xác nhận giấy nợ tiền hui ngày 09/8/2018 giữa ông T V D và bà N N T L là đúng sự thật và do chính ông T V D viết và ký tên lẫn tay. Tôi đề nghị Tòa án không đưa tôi vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng trong vụ án này. Hội đồng xét xử xét: Việc đưa ông P D H và ông N V N A là người làm chứng trong “Giấy nợ tiền hui” vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng trong vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu, xét đây là ý chí tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

3. Về yêu cầu của các đương sự:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hui tổng cộng là 1.451.429.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 1.330.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng), tính từ ngày 10/11/2018 đến ngày 20/11/2019 là 12 tháng 10 ngày, nhưng bà L tự nguyện làm tròn là 11 tháng (1.330.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 11 tháng = 121.429.000 đồng). Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả là 1.451.429.000 đồng trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ Giấy nợ tiền hui ngày 09/8/2018, lời khai của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định bị đơn đã nợ tiền hui của nguyên đơn với số tiền là 1.330.000.000 đồng. Trong quá trình trả nợ, bị đơn đã viết xác nhận nợ nguyên đơn số tiền là 1.330.000.000 đồng, hoàn trả cho nguyên đơn vào

Hội đồng xét xử nhận thấy việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn với thời gian dài, làm ảnh hưởng tới quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà N N T L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông T V D phải chịu án phí sơ thẩm là 55.542.870 đồng.

Bà N N T L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.746.000 đồng theo biên lai thu số 0021099 ngày 18/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

Việc thi hành án được thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà